

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - BỘ TÀI CHÍNH

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI - BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2010/TTLT-BLĐTBXH-BTC

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2010

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị định số 67/2007/NĐ-CP) và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị định số 13/2010/NĐ-CP);

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP như sau:

Chương I

TRỢ CẤP, TRỢ GIÚP

Điều 1. Đối tượng

1. Đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện trợ cấp xã hội hàng tháng do xã, phường, thị trấn quản lý theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP và được sửa đổi theo các khoản 1, 2 và 3 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP, nay hướng dẫn thêm như sau:

a) Người từ 85 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng mà không có lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội vẫn được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP;

“Lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội” gồm: lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội (kể cả lương hưu theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ); trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng; trợ cấp tuất hàng tháng; trợ cấp mất sức lao động hàng tháng; trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ; trợ cấp hàng tháng của công nhân cao su nghỉ việc; trợ cấp hàng tháng của cán bộ xã nghỉ việc theo quy định tại Quyết định số 130/CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111/HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng và Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ; trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

b) “Người tàn tật nặng không có khả năng lao động” quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP được sửa đổi theo khoản 1 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP là người từ đủ 15 tuổi trở lên bị tàn tật, giảm thiểu chức năng không thể lao động, được Hội đồng xét duyệt cấp xã công nhận hoặc bệnh viện cấp huyện trở lên xác nhận;

c) “Người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ” quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP được sửa đổi theo khoản 1 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP là người tàn tật không có khả năng tự phục vụ sinh hoạt cá nhân, được Hội đồng xét duyệt cấp xã công nhận hoặc bệnh viện cấp huyện trở lên xác nhận;

d) “Người nhiễm HIV/AIDS không còn khả năng lao động” quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP là người bị nhiễm HIV/AIDS theo xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền, không còn khả năng lao động được Hội đồng xét duyệt cấp xã công nhận hoặc bệnh viện cấp huyện trở lên xác nhận;

e) “Người đơn thân” quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP là người không có chồng hoặc vợ; chồng hoặc vợ đã chết; chồng hoặc vợ mất tích theo quy định tại Điều 78 Bộ luật Dân sự.

2. Đối tượng bảo trợ xã hội được xem xét tiếp nhận vào nhà xã hội tại cộng đồng quy định tại Điều 5 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP.

3. Đối tượng bảo trợ xã hội được xem xét tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội gồm các đối tượng được quy định tại Điều 5 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP và đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 5 Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội.

4. Đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hưởng trợ giúp đột xuất (một lần) theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, nay hướng dẫn thêm như sau:

a) “Người bị thương nặng” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP là người bị thương phải cấp cứu hoặc phải điều trị nội trú tại cơ sở y tế;

b) “Hộ gia đình phải di dời khẩn cấp do nguy cơ sạt lở đất, lũ quét” quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 6 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP là hộ gia đình phải di dời khẩn cấp nhà ở từ nơi ở cũ đến nơi ở mới do nguy cơ sạt lở đất, lũ quét theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) “Người gặp rủi ro ngoài vùng cư trú dẫn đến bị thương nặng, gia đình không biết để chăm sóc” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 6 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP là người gặp rủi ro ngoài địa bàn xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

Điều 2. Xác định trợ cấp, trợ giúp

1. Trợ cấp, trợ giúp xã hội thường xuyên

a) Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương áp dụng mức chuẩn quy định tại Điều 7 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 4 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP thì mức trợ cấp xã hội hàng tháng đối với từng nhóm đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP.

Ví dụ 1: Cháu Nguyễn Văn B, 6 tuổi mồ côi cả cha và mẹ, cháu B bị tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ, cư trú tại tỉnh B có mức chuẩn trợ cấp xã hội hàng tháng là 180.000 đồng. Như vậy, Cháu B vừa là đối tượng thuộc diện trẻ em mồ côi, vừa là đối tượng người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ. Hệ số trợ cấp xã hội cao nhất đối với cháu B là 2,0 (hệ số đối với người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ). Mức trợ cấp hàng tháng của cháu B là:

$$180.000 \text{ đồng} \times 2,0 = 360.000 \text{ đồng.}$$

Ví dụ 2: Gia đình ông Nguyễn Văn D cư trú tại tỉnh H có 2 con là Nguyễn Thị P, 18 tuổi thuộc diện hưởng trợ cấp hàng tháng đối với người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ (hệ số 2,0) và Nguyễn Văn Q, 29 tuổi thuộc diện hưởng trợ cấp hàng tháng đối với người mắc bệnh tâm thần quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 2 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP (hệ số 1,5). Tỉnh H có mức chuẩn trợ cấp xã hội hàng tháng là 180.000 đồng. Gia đình ông D được hưởng hai chế độ trợ cấp hàng tháng sau:

- Trợ cấp đối với chị P và anh Q:

+ Chị P: $180.000 \text{ đồng} \times 2,0 = 360.000 \text{ đồng}$.

+ Anh Q: $180.000 \text{ đồng} \times 1,5 = 270.000 \text{ đồng}$.

- Trợ cấp đối với hộ gia đình ông D:

$180.000 \text{ đồng} \times 2,0 = 360.000 \text{ đồng}$.

Tổng các khoản trợ cấp gia đình ông D được hưởng hàng tháng như sau:

$360.000 \text{ đồng} + 270.000 \text{ đồng} + 360.000 \text{ đồng} = 990.000 \text{ đồng}$

Ví dụ 3: Chị Nguyễn Thị A thuộc hộ nghèo, có chồng đã chết đang nuôi con dưới 18 tháng tuổi, bản thân chị A là người bị tàn tật nặng, không có khả năng lao động, cư trú tại tỉnh H có mức chuẩn trợ cấp xã hội hàng tháng là 180.000 đồng. Chị A sẽ được hưởng hai chế độ trợ cấp sau:

- Trợ cấp đối với người tàn tật nặng:

$180.000 \text{ đồng} \times 1,0 = 180.000 \text{ đồng}$.

- Trợ cấp đối với người đơn thân nuôi con nhỏ:

$180.000 \text{ đồng} \times 1,5 = 270.000 \text{ đồng}$.

Tổng các khoản trợ cấp chị A được hưởng hàng tháng như sau:

$180.000 \text{ đồng} + 270.000 \text{ đồng} = 450.000 \text{ đồng}$.

b) Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương quyết định mức chuẩn cao hơn mức chuẩn quy định tại Điều 7 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP được sửa đổi theo khoản 4 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP thì mức trợ cấp, trợ giúp xã hội hàng tháng đối với từng nhóm đối tượng được tính như sau:

Mức trợ cấp xã hội hàng tháng	=	Mức chuẩn của tỉnh, thành phố	x	Hệ số trợ cấp đối với từng nhóm đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP
-------------------------------	---	-------------------------------	---	--

Ví dụ 4: Mức chuẩn trợ cấp xã hội hàng tháng của tỉnh Y là 200.000 đồng/người/tháng. Ông Trần Văn C, 66 tuổi, cô đơn không nơi nương tựa, bị tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ, cư trú tại tỉnh Y. Như vậy, ông Trần Văn C vừa là đối tượng người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa, vừa là đối tượng người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ. Ông Trần Văn C được hưởng hệ số trợ cấp xã hội cao nhất là 2,0 (hệ số đối với người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ). Mức trợ cấp hàng tháng của ông Trần Văn C là:

$$200.000 \text{ đồng} \times 2,0 = 400.000 \text{ đồng.}$$

2. Mức trợ cấp cứu trợ đột xuất thấp nhất được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 8 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP. Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định mức chuẩn cao hơn mức chuẩn quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP thì áp dụng mức quy định của địa phương.

Chương II

HỒ SƠ, THỦ TỤC

Điều 3. Hồ sơ trợ cấp xã hội thường xuyên

1. Hồ sơ trợ cấp xã hội tại cộng đồng đối với đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 9 Điều 4 và đối tượng sống ở nhà xã hội quy định tại Điều 5 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP gồm:

a) Đơn đề nghị hưởng trợ cấp của đối tượng hoặc gia đình, người thân, người giám hộ (Mẫu số 1);

b) Sơ yếu lý lịch của đối tượng hưởng trợ cấp;

c) Biên bản họp Hội đồng xét duyệt trợ cấp xã hội tại xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Hội đồng xét duyệt cấp xã) (Mẫu số 4) hoặc văn bản xác nhận của bệnh viện cấp huyện trở lên đối với người khuyết tật;

d) Văn bản xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền đối với người tâm thần, người nhiễm HIV/AIDS;

đ) Văn bản kết luận của Hội đồng xét duyệt cấp xã đối với những trường hợp có ý kiến thắc mắc, khiếu nại, tố cáo sau khi đã niêm yết công khai;

e) Quyết định của cơ sở bảo trợ xã hội về việc chuyển đối tượng về gia đình hoặc nhà xã hội (Mẫu số 8).